

Số: 649/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 03 tháng 6 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh; quy trình giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP, ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2031/QĐ-BTNMT ngày 21/7/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đính chính một phần Quyết định số 438/QĐ-BTNMT ngày 01/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2684/QĐ-BTNMT ngày 09/10/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 644/QĐ-UBND ngày 22/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước; Quy trình nội bộ thủ tục hành chính tài nguyên nước thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 95/TTr-STNMT, 96/TTr-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2024;

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh; quy trình giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường (có 02 Phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan theo dõi, cập nhật thành phần hồ sơ, trình tự, quy trình thực hiện đối với các thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung kèm theo Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Đắk Nông; Văn phòng UBND tỉnh niêm yết, công khai tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

Nội dung công bố các thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh tại Quyết định này thay thế các nội dung thủ tục hành chính tương ứng đã được công bố tại Quyết định số 715/QĐ-UBND ngày 12/6/2023, Quyết định số 644/QĐ-UBND, ngày 22/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông.

Các nội dung khác không sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh vẫn thực hiện theo Quyết định số 715/QĐ-UBND ngày 12/6/2023, Quyết định số 644/QĐ-UBND, ngày 22/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ TNMT;
- Cục KSTTHC - VPCP;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- VNPT Đắk Nông;
- Lưu: VT, NNTNMT, NC (Đ).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Văn Chiến

**Phụ lục I**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 649 /QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)*

TT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<b>DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG</b>							
1	2.001738	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	<p><b>a. Thành phần hồ sơ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản chính: + Đơn đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (theo Mẫu số 04, Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT);</li> <li>+ Bảng tổng hợp các công trình khoan nước dưới đất do tổ chức, cá nhân thực hiện trong thời gian sử dụng giấy phép đã được cấp (theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT);</li> <li>- Đối với trường hợp đề nghị gia hạn giấy phép mà có sự thay đổi người chịu trách nhiệm chính</li> </ul>	<p><b>1. Trình tự thực hiện:</b></p> <p><b>Bước 1. Nộp và tiếp nhận hồ sơ:</b> Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tuyến mức độ toàn trình thông qua hệ thống cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính tỉnh Đắk Nông đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tại địa chỉ: (<a href="https://dichvucong.daknong.gov.vn">https://dichvucong.daknong.gov.vn</a>).</p> <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công kiểm tra hồ sơ. Trong thời hạn 04 giờ làm việc, chuyển hồ sơ đến Sở Tài nguyên và Môi trường (thông qua Phòng Khoáng sản tài nguyên nước).</p> <p><b>Bước 2. Kiểm tra hồ sơ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn không quá 3 ngày làm việc, Phòng Khoáng sản – Tài nguyên nước xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, Phòng Khoáng sản – Tài nguyên nước tham mưu Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản thông báo cho chủ dự án.</li> </ul> <p><b>Bước 3. Thẩm định và cấp phép</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn 12,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Phòng Khoáng sản - Tài nguyên nước nghiên cứu văn bản đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép, kèm theo hồ sơ pháp lý có liên quan đến việc</li> </ul>	Theo Quy định tại Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Nông	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật tài nguyên nước 2012.</li> <li>- Nghị định 02/2023/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.</li> <li>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực</li> </ul>	

<p>về kỹ thuật thì ngoài Đơn và Bảng tổng hợp các công trình khoan nước dưới đất, hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép còn bao gồm:</p> <p>+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp có xác nhận của cơ quan cấp văn bằng, chứng chỉ của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật theo quy định của pháp luật và hợp đồng lao động đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép hợp đồng lao động với người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật; trường hợp chỉ có bản sao chụp thì phải kèm bản chính để đối chiếu.</p> <p>+ Bản khai kinh nghiệm chuyên môn trong hoạt động khoan nước dưới đất của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật (theo Mẫu số 02 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT);</p> <p>- Đối với trường hợp đề</p>	<p>đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép tài nguyên nước của tổ chức, cá nhân. Tham mưu Lãnh đạo Sở cấp giấy phép gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất cho tổ chức, các nhân theo quy định.</p> <p><b>Bước 4. Trả kết quả:</b></p> <p>Sở Tài nguyên và Môi trường chuyển giấy phép Gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề và hồ sơ kèm theo (nếu có) đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để trả kết quả cho chủ dự án.</p> <p><b>2. Thời hạn giải quyết:</b> 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung tâm Phục vụ hành chính công: 0,5 ngày làm việc;</li> <li>- Sở Tài nguyên và Môi trường: 15,5 ngày làm việc;</li> </ul> <p><b>3. Yêu cầu, điều kiện thực hiện:</b> Tổ chức, cá nhân hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ có đủ các điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có quyết định thành lập tổ chức của cấp có thẩm quyền hoặc một trong các loại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với tổ chức hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhóm cá nhân, hộ gia đình do cơ quan có thẩm quyền cấp.</li> <li>- Người đứng đầu tổ chức (Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc) hoặc người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật của tổ chức, cá nhân hành nghề (sau đây gọi chung là người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật) phải đáp ứng các điều kiện sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Đối với hành nghề khoan nước dưới đất quy mô nhỏ: Có trình độ chuyên môn tốt nghiệp trung cấp trở lên thuộc các ngành địa chất (địa chất thăm dò, địa chất thủy văn, địa chất công trình, địa kỹ thuật), khoan hoặc công nhân khoan có tay nghề bậc 3/7 hoặc tương đương trở lên; đã</li> </ul> </li> </ul>	<p>tài nguyên và môi trường.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.</li> <li>- Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất.</li> <li>- Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và</li> </ul>
---	---	--

		<p>nghị điều chỉnh nội dung giấy phép, ngoài đơn và bảng tổng hợp công trình, hồ sơ đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép còn bao gồm các tài liệu chứng minh điều kiện năng lực đáp ứng quy mô hành nghề theo quy định (đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh quy mô hành nghề).</p> <p><b>b. Số lượng:</b> 01 bộ</p>	<p>trực tiếp tham gia thiết kế, lập báo cáo hoặc thi công khoan ít nhất 03 (ba) công trình khoan nước dưới đất. Trường hợp không có một trong các văn bằng quy định nêu trên thì đã trực tiếp thi công ít nhất 05 (năm) công trình khoan nước dưới đất;</p> <p>b) Đối với hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa: Có trình độ chuyên môn tốt nghiệp trung cấp trở lên thuộc các ngành địa chất (địa chất thăm dò, địa chất thủy văn, địa chất công trình, địa kỹ thuật), khoan; đã trực tiếp tham gia lập đề án, báo cáo thăm dò, thiết kế hệ thống giếng khai thác hoặc chỉ đạo thi công ít nhất 03 (ba) công trình khoan nước dưới đất có lưu lượng từ 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên.</p> <p>Kinh nghiệm công tác: người phụ trách kỹ thuật của đề án, báo cáo có ít nhất 03 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài nguyên nước, môi trường hoặc đã trực tiếp tham gia lập ít nhất 03 đề án, báo cáo.</p>		<p>Môi trường Sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>
<b>TỔNG CỘNG: 01 THỦ TỤC.</b>					

**Phụ lục II**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC ĐIỀU CHỈNH TRONG LĨNH VỰC TÀI**  
**NGUYÊN NƯỚC THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ TÀI**  
**NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~649~~ /QĐ-UBND ngày ~~03~~ tháng ~~6~~ năm 2024 của  
Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung**

Nội dung theo Quyết định số 644/QĐ-UBND ngày 22/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông				Nội dung chỉnh sửa
STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện	
2	1.001740	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh (TTHC cấp tỉnh)	UBND cấp tỉnh	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh; dự án đầu tư xây dựng hồ chứa, đập dâng trên dòng chính lưu vực sông liên tỉnh thuộc trường hợp phải xin phép; công trình khai thác, sử dụng nước mặt (không phải hồ chứa, đập dâng) sử dụng nguồn nước liên tỉnh với lưu lượng khai thác từ 10m <sup>3</sup> /giây trở lên
<b>III. Thủ tục hành chính cấp huyện</b>				
1	1.001645	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh	UBND cấp huyện	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh; dự án đầu tư xây dựng hồ chứa, đập dâng trên sông suối nội tỉnh thuộc trường hợp phải xin phép; công trình khai thác, sử dụng nước mặt (không phải hồ chứa, đập dâng) sử dụng nguồn nước nội



				<p>tính với lưu lượng khai thác từ 10m<sup>3</sup>/giờ trở lên; công trình khai thác, sử dụng nước dưới đất (gồm một hoặc nhiều giếng khoan, giếng đào, hồ đào, hành lang, mạch lộ, hang động khai thác nước dưới đất thuộc sở hữu của một tổ chức, cá nhân và có khoảng cách liền kề giữa chúng không lớn hơn 1.000 m) có lưu lượng từ 12.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên)</p>
--	--	--	--	--